

Bản án số: 12/ 2019/ HNGĐ - ST
Ngày : 31 / 7/ 2019.
Về việc: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN KHÁNH, TỈNH NINH BÌNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Vũ Nhật Trung.
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Phạm Văn Công và bà Nguyễn Thị Huê.
- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Đinh Thị Hồng Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 57/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 về việc: Ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn L - Sinh năm: 1962.
Địa chỉ: Thôn Khê T, xã Khánh C, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.
- **Bị đơn:** Bà Đinh Thị L1 - Sinh năm: 1964.
Địa chỉ: Thôn Khê T, xã Khánh C, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.
Tại phiên tòa có mặt ông Nguyễn Văn L và bà Đinh Thị L1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng các văn bản khác nguyên đơn là ông Nguyễn Văn L trình bày: Ông và bà L1 sau một thời gian tìm hiểu, đã tự nguyện kết hôn với nhau và đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 04 tháng 6 năm 1986 tại Ủy ban nhân dân xã Khánh C, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Sau đó ông bà được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới. Trong quá trình chung sống, do cuộc sống khó khăn nên từ năm 2001 ông bắt đầu đi làm công trình ở xa nhà, thi thoảng được nghỉ ông mới về thăm gia đình. Thời gian sau vợ chồng lại bắt đầu xảy ra bất đồng quan điểm về kinh tế gia đình, vợ chồng xảy ra việc cãi chửi nhau. Ông đi làm vất vả, ở nhà bà L1 và mọi người quy

kết cho ông là có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác, song ông chấp nhận chỉ vì khi người đàn ông đi làm xa vợ con, việc chơi bời thì không tránh khỏi. Mặt khác bà L1 luôn nói ông đi làm không mang tiền về, ông không đồng ý vì chính tay ông đưa tiền gửi về cho bà L1 ở nhà nuôi con, lo công việc gia đình. Xuất phát từ những quan điểm bất đồng đó, ông thấy chán nản không muốn về nhà. Kể từ năm 2016 cho tới nay, ông không về nhà, chỉ mỗi khi gia đình có công việc thì ông về nhà bố mẹ chứ không về nhà cùng vợ và con, vì bố con đã cãi chửi lẫn nhau. Vợ chồng ông sống ly thân nhau kể từ đó và không còn quan tâm gì tới nhau nữa. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, ông và bà L1 không thể đoàn tụ được nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L1.

Về con: Trong quá trình chung sống cho đến nay ông và bà L1 có ba người con chung là chị Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1988; anh Nguyễn Thành L2, sinh năm 1990 và anh Nguyễn Văn L3, sinh năm 1994. Hiện nay các con đều đã trưởng thành, đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống, do vậy nay ly hôn ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về con riêng ông xác định không ai có nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Ông xác định để ông và bà L1 tự thỏa thuận giải quyết nên nay ly hôn ông không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn là bà Đinh Thị L1 trình bày: Về thời gian tìm hiểu và đăng ký kết hôn như ông L trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc cùng nhau cho đến năm 1992, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông L phải lòng một người phụ nữ khác rồi về đánh chửi, phũ phàng bà. Tuy nhiên sau một thời gian, bà khuyên ngăn thì ông L nhận ra sự việc và quay về đoàn tụ gia đình. Do cuộc sống làm nông nghiệp vất vả lại không có kinh tế, đến năm 2001 bà đã xin cho ông L đi làm công trình cho Công ty Bình M ở Hà Nội. Trước khi đi làm bà có vay mượn tiền để cho ông L đi làm và bà phải trả xuất thời gian đi làm, ông L có mang tiền về nhưng không đáng kể, chủ yếu là do một tay bà chăm sóc gia đình, nuôi dạy con cái. Đến năm 2016 là bà phát hiện ông L trong thời gian đi làm xa nhà đã có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác và đã có 2 người con riêng. Bản thân bà luôn nghĩ là chồng bận công việc nên ít về thăm nhà. Mãi tới khi cưới con trai út thì ông L dặt 2 người con riêng về nên bà mới biết. Suốt từ thời điểm đó ông L không liên lạc và không quan tâm gì đến gia đình, đến cuối năm 2018 ông L có về đề cập ly hôn với bà, nhưng bà không đồng ý, vì lý do không quan tâm gia đình và các con nên bà không đồng ý. Bà nhận thấy do tuổi đã cao và con cháu nó còn có cha, có ông, do vậy bà không nhất trí ly hôn với ông L.

Về con: Bà và ông L đến nay có ba người con chung là chị Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1988, anh Nguyễn Thành L2, sinh năm 1990 và anh Nguyễn Văn L3,

sinh năm 1994. Hiện nay các con đều đã trưởng thành, tự lập được cuộc sống và về con riêng bà không có, do vậy bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về con.

Về tài sản: Bà không nhất trí ly hôn nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có quan điểm: Về thủ tục: Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình tiến hành tố tụng. các bên đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn L xử cho ly hôn với bà Đinh Thị L1, về con chung ông bà có ba người con chung là chị Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1988, anh Nguyễn Thành L2, sinh năm 1990 và anh Nguyễn Văn L3, sinh năm 1994. Hiện nay đều đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, về con riêng không có, không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về tài sản do ông Nguyễn Văn L và bà Đinh Thị L1 đều không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí ông Nguyễn Văn L phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn L và bà Đinh Thị L1 đã có thời gian tự do tìm hiểu, sau đó ông L và bà L1 đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 04 tháng 6 năm 1986 tại UBND xã Khánh C, huyện Yên Khánh, quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà L1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn ông bà về chung sống hạnh phúc cho đến năm 1992, thì phát sinh mâu thuẫn, thời điểm này nguyên nhân là do bà L1 cho rằng ông L phải lòng một người phụ nữ khác nên về đánh chửi bà. Nhưng sau một thời gian thì ông bà đã bỏ qua sự mâu thuẫn này và đoàn tụ gia đình. Vì mong muốn phát triển kinh tế gia đình, vào năm 2001 bà đã xin cho ông L đi làm công trình cho Công ty Bình M ở Hà Nội. Sau những năm ông L đi làm, khi có tiền ông L đưa về cho bà L1 để chăm lo cho gia đình, còn bà L1 cho rằng ông L có mang tiền về nhưng không đáng kể, nên giữa ông L và bà L1 lại có sự bất đồng về kinh tế, mặt khác đến năm 2016 mâu thuẫn giữa ông L và bà L1 lại phát sinh, bà L1 cho rằng ông L có quan hệ với người phụ nữ khác và đã có 2 người con riêng. Tòa án đã tiến hành làm việc và yêu cầu bà L1 cung cấp chứng cứ để chứng minh sự việc vi phạm này để xem xét xử lý theo pháp luật, nhưng sau đó bà L1 không giao nộp căn cứ gì để chứng minh và bà L1 lại thay đổi lời khai thông qua các lần hòa giải, bà khẳng định không ai có con riêng và bà cũng không có

ý kiến hay yêu cầu gì về sự việc này nữa, bà thừa nhận việc ông L ít khi về nhà, ít liên lạc và không quan tâm tới bà và gia đình. Song quan điểm của bà L1 thấy hiện nay bà đã lớn tuổi, con cái đã trưởng thành, những năm tháng khó khăn vất vả vợ chồng đã cùng nhau vượt qua, hơn nữa để cho con có cha và cháu có ông nên bà không nhất trí ly hôn.

Căn cứ vào đơn xác nhận và kết quả xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã Khánh C về tình trạng hôn nhân cho thấy ông L và bà L1 đã xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau, ông L đi làm ăn xa, khoảng 5 năm trở lại đây ông L không về nhà bà L1 nữa, mỗi khi có việc ông L chỉ về nhà bố mẹ đẻ chứ không về nhà ở với vợ, con. Từ những căn cứ và đánh giá nêu trên thấy rằng mâu thuẫn giữa ông L và bà L1 xảy ra đã lâu, vợ chồng không còn tin tưởng nhau, mỗi người sống một nơi và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã kiên trì hòa giải nhưng không có kết quả, trong hòa giải vợ chồng không có tiếng nói chung mà luôn thể hiện sự bất đồng, nên không thể đoàn tụ được, vì vậy xét thấy cho đến nay mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của ông L giải quyết cho ông được ly hôn với bà L1 là có căn cứ và phù hợp với pháp luật và thực tế.

[3] Về con: Ông Nguyễn Văn L và bà Đinh Thị L1 cho đến nay có ba người con chung là chị Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1988, anh Nguyễn Thành L2, sinh năm 1990 và anh Nguyễn Văn L3, sinh năm 1994. Hiện nay các con của ông bà đều đã trưởng thành, tự lập được cuộc sống. Về con riêng ông L và bà L1 đều xác định không có và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản: Ông Nguyễn Văn L không có yêu cầu, còn bà Đinh Thị L1 tại biên bản làm việc thì bà cũng xác định đề tự giải quyết hoặc khởi kiện bằng vụ án khác, do không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Văn L là nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/BUTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn L về việc “Ly hôn” đối với bà Đinh Thị L1.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn L được ly hôn bà Đinh Thị L1.

- Về con: Ông Nguyễn Văn L và bà Đinh Thị L1 có ba người con chung là chị Nguyễn Thị Kiều O, sinh năm 1988, anh Nguyễn Thành L2, sinh năm 1990 và anh Nguyễn Văn L3, sinh năm 1994. Hiện nay các con của ông bà đều đã trưởng thành, tự lập được cuộc sống. Về con riêng ông L và bà L1 đều xác định không có và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản: Ông Nguyễn Văn L và bà Đinh Thị L1 đều không có yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Ông Nguyễn Văn L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình để sung quỹ Nhà nước. Được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông đã nộp theo biên lai số AA/2013/0002017 ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm các bên đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31/7/2019).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án Dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh.
- Chi cục THA DS huyện Yên Khánh .
- UBND xã Khánh C.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

Vũ Nhật Trung